TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C R** **THÀNH PHỐ C T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNST
Ngày: 26/06/2024
Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Bùi Thanh Trí*.

Ông *Phạm Văn Vĩ*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Trương Hoàng Minh Phương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận C R tham gia phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Thùy Vân* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/06/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLST/HN ngày 15 tháng 5 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐST-HN ngày 07/06/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Phạm A K**, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 594 đường 30/4, phường H L, quận N K, thành phố C T.

* *Bị đơn:* Bà **Huỳnh T T N**, sinh năm 1960. (Mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2024/QĐST-DS ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố C T)

Người đại diện do Tòa án chỉ định: Bà **Phạm T V H**, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số HV 05, đường 22, khu dân cư Công ty 8, phường H T, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn –ông Phạm A K trình bày*:

Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh T T N do hai bên gia đình mai mối sau đó tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến chung sống với nhau năm 1978, sau đó có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H L, quận N K, thành phố C T vào ngày 18/06/2004. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh

mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là vợ chồng cải vả, tính tình không hợp nhau và thời gian kéo dài. Mặt khác, hiện nay do tình hình sức khỏe không tốt nên ông muốn đi nước ngoài để chữa bệnh và bà N thì đang mất năng lực hành vi dân sự nên hôn nhân không mang lại hạnh phúc vì vậy ông yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà Huỳnh T T N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Phạm V K (Nam), sinh ngày 26/3/1980; Phạm T V H (Nữ), sinh ngày 11/9/1982 và Phạm H H T (Nữ), sinh ngày 01/11/1986. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* *Phía đại diện của bị đơn - bà Phạm T V H trình bày*:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh T T N và ông Phạm A K tiến đến hôn nhân năm 1978 và chung sống với nhau cho đến nay. Nay ông K có nhu cầu ly hôn nên bà là người đại diện do Tòa án chỉ định cho bà N cũng như là người đang trực tiếp chăm sóc cho bà N thì thống nhất việc ly hôn mà ông K yêu cầu.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông K có 03 con chung tên Phạm V K(Nam), sinh ngày 26/3/1980; Phạm T V H (Nữ), sinh ngày 11/9/1982 và Phạm H H T (Nữ), sinh ngày 01/11/1986. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Do vụ án có bị đơn – bà Huỳnh T T N là người mất năng lực hành vi dân sự nên thuộc trường hợp không được hòa giải nên phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Phần trình bày của ông Phạm A K: Vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Về hôn nhân thì đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông với bà Huỳnh T T N. Về con chung các con đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu tòa án giải quyết; về tài sản chung thì tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết và nợ chung không có.

Theo đại diện của bị đơn - bà Phạm T V H trình bày: Đối với yêu cầu ly hôn của ông Phạm A K thì bà cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông K . Về con chung các con đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu tòa án giải quyết; về tài sản chung thì tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp. Do đó, về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện Viện kiểm sát đề nghị như sau:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm A K với bà Huỳnh T T N.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự chăm lo bản thân và các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có.

(Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ông Phạm A K và bà Huỳnh T T N tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống, sau đó tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*. Mặt khác, bị đơn bà Huỳnh T T N có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Phạm A K và bà Huỳnh T T N tự nguyện tiến tới hôn nhân, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông K trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là vợ chồng cải vả, tính tình không hợp nhau và thời gian kéo dài. Mặt khác, hiện nay do tình hình sức khỏe ông không tốt muốn đi nước ngoài để chữa bệnh và bà N thì đang mất năng lực hành vi dân sự nên hôn nhân không mang lại hạnh phúc vì vậy ông yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà Huỳnh T T N. Theo đại diện của bà N do Tòa án chỉ định xác định hiện nay bà N mất năng lực hành vi dân sự, không thể nhận biết cũng như duy trì cuộc sống hôn nhân, bà N không thể chăm sóc bản thân, bà đang là người trực tiếp chăm sóc cho bà N từ đó cho đến nay nếu duy trì hôn nhân thì cũng không mang lại hạnh phúc cho phía bà N và ông K . Vì vậy, bà cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông K . Do đó, đối với yêu cầu giải quyết ly hôn của ông K là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Có 03 con chung tên Phạm V K(Nam), sinh ngày 26/3/1980; Phạm T V H (Nữ), sinh ngày 11/9/1982 và Phạm H H T (Nữ), sinh ngày 01/11/1986. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Các bên xác định tự thoả thuận, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về nợ chung*: Không có.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận việc miễn án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 88, Điều 90, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm A K.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của ông Phạm A K đối với bà Huỳnh T T N.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm V K(Nam), sinh ngày 26/3/1980; Phạm T V H (Nữ), sinh ngày 11/9/1982 và Phạm H H T (Nữ), sinh ngày 01/11/1986. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Các bên xác định tự thoả thuận, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Miễn án phí hôn nhân sơ thẩm cho nguyên đơn.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GẤM

- Nơi nhận:

+ VKSND quận C R;
+ Chi Cục THADS quận C R;
+ UBND phường H L, Q. N K, TP. C T;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.